

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2026/DS-PT

Ngày: 03-3-2026

V/v “Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 772/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 12
năm 2025 về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025
của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2026/QĐXXPT-DS
ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2026/QĐ-PT
ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện
M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đệ N,
sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre
(nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thế N1, sinh năm 1979 và bà Võ Thị L, sinh năm
1983. Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã A, tỉnh
Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1956.

+ Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1961 (mất ngày 11/12/2024).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

. Bà Võ Thị P (mất ngày 19/12/2023);

. Ông Huỳnh Trọng Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

. Bà Huỳnh Thị Xuân Q1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số D T, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). (vắng mặt)

+ Ông Huỳnh Công N2, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

+ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn R, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị Xuân Q1, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970): Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

+ Ông Đinh Thiện H1, sinh năm 1986.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Thiện H1, bà Nguyễn Thị Thúy D: Bà Lê Thiên N3, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số I Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long). Địa chỉ liên hệ: Số C Đ, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người kháng cáo: Ông Huỳnh Thế N1, là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn R và ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị Xuân Q1 là ông Nguyễn Văn Đệ N trình bày:*

Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1937, chết ngày: 22/3/2008; bà Huỳnh Thị X, sinh năm: 1937, chết ngày 26/02/2007. Ông B và bà X có 11 người con gồm: Huỳnh Văn R, sinh năm: 1956; Huỳnh Văn H, sinh năm: 1961; Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1962; Huỳnh Văn C, sinh năm: 1967; Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1968; Huỳnh Thị T, sinh năm: 1970; Huỳnh Văn C1, sinh năm: 1972; Huỳnh Công N2, sinh năm: 1974; Huỳnh Thị T, sinh năm: 1976; Huỳnh Thế N1, sinh năm: 1979; Huỳnh Thị V, sinh năm: 1983. Cha ông B tên Huỳnh Văn D1; còn mẹ ông B, cha mẹ bà X thì không biết họ tên nhưng tất cả đều đã chết. Ngoài những người nêu trên thì ông B, bà X không còn cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ hay con nuôi nào khác.

Ông B và bà X chết để lại di sản là phần đất diện tích 110m² thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 3 (theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28, diện tích 125.3m²) ông B được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/6/2007. Mặc dù, đất do ông B đứng tên nhưng đây là tài sản chung của ông B và bà X. Khi đó, trên đất có căn nhà cấp 4 có kết cấu: Nhà tường, nền xi-măng, mái tole, diện tích căn nhà gần bằng diện tích đất, nhà do ông B và bà X xây dựng.

Sau khi ông B và bà X chết, ngày 12/3/2009 các người con của ông B và bà X (không có mặt ông Huỳnh Văn H) họp gia đình thống nhất để lại toàn bộ phần đất nêu trên cho ông N1 quản lý, sử dụng. Vì phần đất trên là nơi thờ cúng cha mẹ nên việc để lại đất cho ông N1 quản lý, sử dụng có kèm theo điều kiện là ông N1 không được bán phần đất trên cho người khác khi chưa có ý kiến của những người con còn lại. Nếu ông N1 bán phần đất nêu trên thì phải chia thừa kế theo quy định pháp luật cho các người con còn lại. Biên bản họp gia đình có xác nhận của ông Bùi Thanh L2 là Trưởng ấp T, xã T.

Vào năm 2004, ông N1 có mua thêm của ông Đặng Văn N4 phần đất liền kề phía sau của thửa số 977, tờ bản đồ số 3 chiều ngang khoảng 05 mét, chiều dài khoảng 05 mét (theo đo đạc thực tế diện tích $20,8m^2$ thuộc thửa số 95B, tờ bản đồ số 28). Đến ngày 09/4/2018, ông N1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 95, tờ bản đồ số 28, diện tích $148m^2$. Ngày 23/4/2018, ông N1 lập hợp đồng tặng cho phần đất nêu trên cho vợ là Võ Thị L và bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/5/2018.

Sau đó, bà L tiếp tục chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông Đinh Thiện H1 với giá 2.000.000.000 đồng, hợp đồng được chứng thực vào ngày 24/7/2018. Ngày 09/8/2018, ông H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, phần đất do ông H1 và bà D quản lý, sử dụng. Các công trình, vật kiến trúc trên đất là do ông H1 và bà D xây dựng.

Ông X chết không để lại di chúc. Sau khi quản lý, sử dụng đất ông Thế N1 đã tự ý chuyển nhượng phần di sản nêu trên cho người khác mà chưa được sự đồng ý của những người con còn lại, đồng thời những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B và bà X không thể thỏa thuận phân chia di sản nên nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết:

+ Bà T yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật là phần đất diện tích $125,3m^2$ thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất). Cụ thể, yêu cầu chia đều phần di sản thừa kế cho 11 người con, bà T yêu cầu được nhận giá trị tương đương là 148.082.000 đồng, người nào nhận di sản thì có trách nhiệm hoàn lại giá trị tương đương cho người được hưởng.

+ Bà T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/4/2018 giữa bên tặng cho ông Huỳnh Thế N1 và bên nhận tặng cho bà Võ Thị L đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M,

tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị L ngày 14/5/2018 số phát hành CN 504517, số vào sổ cấp GCN: CS06523 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bà T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 24/7/2018 giữa bên chuyển nhượng bà Võ Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Đinh Thiện H1 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thiện H1 ngày 09/8/2018 số phát hành CO 728408, số vào sổ cấp GCN: CS06641 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như sau: Ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn R và ông Huỳnh Văn C yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 125,3m² thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (chỉ yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất). Cụ thể, yêu cầu chia đều phần di sản thừa kế cho 11 người con, mỗi yêu cầu được nhận giá trị tương đương là 148.082.000 đồng, người nào nhận di sản thì có trách nhiệm hoàn lại giá trị tương đương cho người được hưởng.

Đối với phần đất diện tích 20,8m² thuộc thửa số 95B, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông N2 nhận chuyển nhượng từ người khác, không liên quan đến phần di sản thừa kế của ông B và bà X nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì văn bản phân chia di sản ngày 12/3/2009 thể hiện ông N2 được quyền quản lý sử dụng nhưng không được bán, nếu bán thì phải chia đều cho tất cả các anh em và văn bản này không có ý kiến của ông Huỳnh Văn H. Trong văn bản đề cho ông N2 đứng giấy chứng nhận thiếu ý kiến của ông H nên không đúng qui định của pháp luật. Từ đó đề nghị hủy các hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều xin rút yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho giữa ông Thế N1 với bà L và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và ông D, cũng như hủy yêu cầu nhận quyền sử

dụng đất, chỉ yêu cầu được nhận bằng giá trị theo kỹ phần là 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Thế N1 và bà Võ Thị L là ông Nguyễn Hoàng L1 trình bày:*

Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1937, chết ngày: 22/3/2008; bà Huỳnh Thị X, sinh năm: 1937, chết ngày 26/02/2007. Ông B và bà X có 11 người con gồm: Huỳnh Văn R, sinh năm: 1956; Huỳnh Văn H, sinh năm: 1961; Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1962; Huỳnh Văn C, sinh năm: 1967; Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1968; Huỳnh Thị T, sinh năm: 1970; Huỳnh Văn C1, sinh năm: 1972; Huỳnh Công N2, sinh năm: 1974; Huỳnh Thị T, sinh năm: 1976; Huỳnh Thế N1, sinh năm: 1979; Huỳnh Thị V, sinh năm: 1983. Cha ông B tên Huỳnh Văn D1; còn mẹ ông B, cha mẹ bà X thì không biết họ tên nhưng tất cả đều đã chết. Ngoài những người nêu trên thì ông B, bà X không còn cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ hay con nuôi nào khác.

Trước đây, ông B và bà X có tạo lập phần đất diện tích 110m² thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ngày 16/11/1999, bà X được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất cấp cho hộ. Hộ của bà X vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm có: Ông N1 và bà X, khi đó ông B đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, huyện M, còn các anh chị em khác đều lập gia đình riêng.

Sau khi bà X chết, ông Thế N1 cùng các anh chị em còn lại họp gia đình theo biên bản họp gia đình ngày 09/4/2007, ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn R, ông Huỳnh Thế N1, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm: 1970), bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm: 1976), bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T1 thống nhất để phần đất thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 3 cho ông B tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngày 22/6/2007, ông B được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, trên đất có căn nhà cây gỗ tạp do ông B và bà X xây dựng. Đến ngày 13/7/2007, ông B lập di chúc để lại phần đất thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 3 cho ông Thế N1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Ngày 12/3/2009, ông Thế N1 cùng 09 anh chị em còn lại (không có ông Huỳnh Văn H do khi đó ông H đi làm ở xa không về) họp gia đình thống nhất đồng ý để lại cho ông Thế N1 tiếp tục quyền sử dụng phần đất trên.

Ngoài ra, vào tháng 01/2004 ông Thế N1 có mua thêm của ông Đặng Văn N4 phần đất liền kề phía sau của thửa số 977, tờ bản đồ số 3 chiều ngang khoảng 05 mét, chiều dài khoảng 05 mét với giá 6.000.000 đồng (theo đo đạc thực tế diện tích 20,8m² thuộc thửa số 95B, tờ bản đồ số 28). Đến ngày 09/4/2018, ông Thế N1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 95, tờ bản đồ số 28, diện tích 148m². Ngày 23/4/2018, ông N1 lập hợp đồng tặng cho phần đất này cho vợ là Võ Thị L, hợp đồng được chứng thực tại Văn phòng C2.

Năm 2017, ông Thế N1 và bà L có cho ông Đinh Thiện H1 thuê phần đất thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để xây dựng cửa hàng mua bán, thời gian thuê là 03 năm, giá tiền thuê đất là 20.000.000 đồng/năm. Sau khi cho thuê được khoảng hơn một năm, ông Thế N1 và bà L có kêu bán phần đất nêu trên sau khi hết thời hạn cho thuê đất thì ông H1 đồng ý mua phần đất trên với giá 2.000.000.000 đồng. Bà L và ông H1 có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C3 ngày 24/7/2018. Số tiền chuyển nhượng ông H1 đã giao đủ cho bà L theo biên bản giao nhận tiền ngày 29/5/2018 và ngày 24/7/2018. Khi cho ông H1 thuê đất thì trên đất chỉ có căn nhà lá và nhà vệ sinh nhỏ (nhà tường) nằm ở cuối đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông H1 và vợ là bà Nguyễn Thị Thúy D xây dựng căn nhà kiên cố để làm cửa hàng buôn bán, hiện tại ông H1 và bà D đang sống trên đất.

Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì bị đơn không đồng ý. Bởi lẽ, phần đất trên ông B đã lập di chúc để lại cho ông Thế N1, ông B chết di chúc phát sinh hiệu lực nên không thuộc trường hợp phân chia thừa kế theo pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thế N1 và bà Võ Thị L; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị L và ông Đinh Thiện H1 đối với phần đất thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị L, ông Đinh Thiện H1 thì bị đơn không đồng ý vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, được lập theo mẫu và có công chứng theo quy định.

Bị đơn ông Thế N1 có yêu cầu phản tố: Yêu cầu công nhận di chúc của ông Huỳnh Văn B được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre chứng thực

ngày 13/7/2007 là di chúc hợp pháp. Đồng thời, ông Thế N1 yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản theo nội dung di chúc nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 977, tờ bản đồ số 3, diện tích 110m² (nay là thửa số 95A, tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 12/3/2009 thì ông Thế N1 đồng ý chia cho ông H phần di sản thừa kế theo kỹ phần được nhận, những người khác đã ký tên đồng ý giao cho ông, nên ông Thế N1 không đồng ý yêu cầu phân chia của những người này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C1 trình bày:* Sau khi ba mẹ ông mất, các anh chị em trong gia đình có họp gia đình thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản (đất) nhưng không thành vì ông B đã làm di chúc định đoạt phần đất nêu trên cho Huỳnh Thế N1. Hiện ông không có ý kiến về việc yêu cầu chia thừa kế cũng không yêu cầu được chia thừa kế. Trường hợp được chia thì ông từ chối nhận và đồng ý giao cho ông Thế N1 theo di chúc của ông B. Đồng thời ông xin giải quyết vắng mặt ông.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thiện H1, bà Nguyễn Thị Thúy D là bà Lê Thiên N3 trình bày:*

Nguyên đơn không có yêu cầu liên quan đến ông H1, bà D nên không có ý kiến.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 631, 635; 636, 646; 648; 674; 675, 676, 677; 685 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể tuyên:

Công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28, diện tích 125,3m² tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) là di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn B và bà Huỳnh Thị X để lại.

Chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970), ông Huỳnh Văn R và ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị Xuân Q1.

Ông Huỳnh Thế N1 phải giao cho bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970), ông Huỳnh Văn R, ông Huỳnh Văn C, Ông Huỳnh Văn H (do ông Huỳnh Trọng Q và bà Huỳnh Thị Xuân Q1 nhận thay) mỗi người 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/4/2018 giữa bên tặng cho ông Huỳnh Thế N1 và bên nhận tặng cho bà Võ Thị L; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị L; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 24/7/2018 giữa bên chuyển nhượng bà Võ Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Đinh Thiện H1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đinh Thiện H1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2025, bị đơn ông Huỳnh Thế N1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ

nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thiện H1, bà Đinh Thị Thúy D2 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của ông Huỳnh Thế N1 là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông N1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long đối với phần không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Thế N1 về việc công nhận di chúc của ông B là hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Huỳnh Thế N1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Thế N1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét kháng cáo của ông Huỳnh Thế N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Huỳnh Thế N1 yêu cầu xem xét yêu cầu phản tố của ông gồm: Yêu cầu công nhận di chúc của ông Huỳnh Văn B được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 13/7/2007 là di chúc hợp pháp; ông Thế N1 được hưởng toàn bộ di sản theo nội dung di chúc nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 977, tờ bản đồ số 3, diện tích 110m² (nay là thửa số 95A, tờ bản đồ số 28) tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông B và bà X có tạo lập tài sản là phần đất diện tích 110m², thuộc thửa số 977, tờ bản đồ số 3 (theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28, diện tích 125.3m²). Bà X mất ngày 26/02/2007, không để lại di chúc nên ngày

09/4/2007, ông B và các con họp gia đình thống nhất để thừa kế lại cho ông B đối với phần đất trên. Việc thống nhất này không có mặt ông Huỳnh Văn H (bút lục 490). Theo Kết luận giám định số 454/2024/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B đối với Biên bản họp gia đình đề ngày 09/4/2007 thì “không đủ cơ sở kết luận” chữ ký của bà T và bà V có phải do cùng một người ký ra hay không. Ngày 13/7/2007 ông B lập di chúc có nội dung “giao quyền thừa kế thừa đất trên cho ông Huỳnh Thế N1”. Ngày 22/3/2008 ông B mất. Di chúc phát sinh hiệu lực, tuy nhiên nội dung di chúc mà ông B để lại cho ông N1 đã vượt quá phạm vi quyết định do ông B đã quyết định luôn phần tài sản ông H được hưởng của bà X theo pháp luật). Vì vậy, không có cơ sở để công nhận di chúc của ông B.

Ngày 10/01/2009 những người thừa kế của ông B có văn bản phân chia di sản thừa kế, không có mặt của ông Huỳnh Văn C1 và ông Huỳnh Văn H (bút lục 39), văn bản này được thông qua chính quyền vào ngày 16/3/2009. Bên cạnh đó, căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T3 thì chữ ký của các ông, bà gồm Huỳnh Văn R, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Công N2, Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) trong văn bản ngày 10/01/2009 nêu trên là do bà T3 ký (bút lục 447).

Ngày 12/3/2009, các đồng thừa kế (không có ông Huỳnh Văn H) lập Biên bản họp gia đình nội dung thống nhất cho ông Thế N1 “*đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N1 được ở từ nay trở về sau nhưng không được quyền bán chỗ ở này cho người khác, khi chưa có ý kiến thống nhất của anh em tôi. Vì chỗ ở này là nơi thờ cúng của cha mẹ tôi. Nếu sau này em tôi bán sẽ chịu yêu cầu của anh chị em tôi theo quyền thừa kế*”. Văn bản này được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã cùng ngày 12/3/2009.

Nội dung của hai văn bản ngày 10/01/2009 và 12/3/2009 có sự mâu thuẫn với nhau và từ những phân tích trên cho thấy nội dung của văn bản ngày 10/01/2009 không đảm bảo tính pháp lý bằng nội dung của văn bản ngày 12/3/2009.

Tại Biên bản họp gia đình ngày 12/3/2009 cho thấy ông Thế N1 đã tự nguyện và cùng các đồng thừa kế khác thống nhất định đoạt phần di sản thừa kế do ông B và bà X để lại, nếu sau này chuyển nhượng cho người khác thì phải phân chia thừa kế theo pháp luật. Việc ông Thế N1 tự ý chuyển nhượng phần tài sản trên không có sự thống nhất của các đồng thừa kế là vi phạm thỏa thuận ngày 12/3/2009. Do vậy các đồng thừa kế của bà X và ông B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là có cơ sở. Việc các bên thống nhất trong thỏa thuận ngày

12/3/2009 thể hiện các đồng thừa kế được hưởng phần di sản ngang nhau. Riêng ông Huỳnh Văn C1 từ chối nhận di sản và đề nghị giao phần di sản của ông nếu được chia thừa kế cho ông Thế N1 nên giao cho ông Thế N1 là phù hợp. Ông Huỳnh Văn H mất năm 2024, có 02 người con là ông Huỳnh Trọng Q và bà Huỳnh Thị Xuân Q1. Do ông H được hưởng di sản thừa kế từ ông B, bà X nên theo quy định của pháp luật, ông Q, bà Q1 là người thừa kế thế vị.

Di sản là phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích $125,3m^2$. Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/7/2018 giữa bà Võ Thị L với ông Định Thiện H2 thể hiện giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng đối với phần đất có diện tích là $148m^2$ (trong đó có diện tích $20,8m^2$ do ông Thế N1 nhận chuyển nhượng của ông N4).

Do đó giá trị di sản tranh chấp là $2.000.000.000 \text{ đồng} : 148m^2 = 13.513.000 \text{ đồng}/m^2 \times 125,3m^2 = 1.693.178.900 \text{ đồng}$ và có 11 kỷ phần. Do đó mỗi kỷ phần được nhận là 153.925.000 (một trăm năm mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng (làm tròn).

Tuy nhiên trong quá trình khởi kiện nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên chỉ yêu cầu được nhận mỗi kỷ phần là 136.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận.

2.2. Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không phù hợp theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do thụ lý nhưng khi tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về phần này là có thiếu sót. Tuy nhiên, việc này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Thế N1 cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông N1 là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Thế N1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 631, 635; 636, 646; 648; 674; 675, 676, 677; 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể tuyên:

Công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế thuộc thửa số 95A, tờ bản đồ số 28, diện tích 125,3m² tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) là di sản thừa kế do ông Huỳnh Văn B và bà Huỳnh Thị X để lại.

Chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970), ông Huỳnh Văn R và ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Trọng Q, bà Huỳnh Thị Xuân Q1.

Ông Huỳnh Thế N1 phải giao cho bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị V, ông Huỳnh Công N2, bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970), ông Huỳnh Văn R, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn H (do ông Huỳnh Trọng Q và bà Huỳnh Thị Xuân Q1 nhận thay) mỗi người 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh Thế N1 về việc yêu cầu công nhận di chúc và yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc.

2. Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/4/2018 giữa bên tặng cho ông Huỳnh Thế N1 và bên nhận tặng cho bà Võ Thị L; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Võ Thị L; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 24/7/2018 giữa bên chuyển nhượng bà Võ Thị L và bên nhận chuyển nhượng ông Đình Thiện H1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đình Thiện H1.

3. Ghi nhận việc nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện chịu chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 7.569.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% mỗi kỳ phân phải nộp là 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng, cụ thể:

+ Bà Huỳnh Thị V phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 3.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021991 ngày 20/02/2019. Bà Huỳnh Thị V còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ông Huỳnh Công N2 phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 3.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021985 ngày 20/02/2019. Ông Huỳnh Công N2 còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970) phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 3.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021986 ngày 20/02/2019. Bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1970) còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ông Huỳnh Văn C phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 3.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021988 ngày 20/02/2019. Ông Huỳnh Văn C còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Bà Huỳnh Thị T1 phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 3.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006415 ngày 06/9/2019. Bà Huỳnh Thị T1 còn phải nộp tiếp số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 4.350.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0018856 ngày 08/8/2016; 0007808 và

0007809 cùng ngày 17/5/2022. Bà Huỳnh Thị T (sinh năm 1976) còn phải nộp tiếp số tiền 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Ông Huỳnh Thế N1 phải nộp số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006699 ngày 20/6/2023. Ông Huỳnh Thế N1 còn phải nộp tiếp số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

+ Ông Huỳnh Văn R, ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị T2 được miễn nộp án phí. H3 lại cho ông Huỳnh Văn R, bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Văn H (do ông Huỳnh Trọng Q và bà Huỳnh Thị Xuân Q1 nhận thay) mỗi người 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021987, 0021989, 0021990 cùng ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Vĩnh Long).

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Thế N1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007228 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt